TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY NAM** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **14**/2025/HN-ST
Ngày: 16/01/2025
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM - TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Yến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Minh Chánh

2. Bà Mai Thị Nhặc

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Quyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Mỹ Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 426/2024/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2024 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 636/2024/QĐXX-ST ngày 26 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2025/QĐST-HN ngày 06 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Hoàng O, sinh năm 1993; (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: khu phố 7, thị trấn Mỏ Cày, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Minh T, sinh năm 1990; (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thị Hoàng O trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh T do tự nguyện tìm hiểu tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện M. Thời gian đầu thì vợ chồng chung sống hạnh phúc, về sau thì phát sinh mâu thuẫn do anh T có chơi cờ

bạc, không phụ giúp chị chăm sóc các con, các con còn nhỏ nhưng chỉ do một mình chị chăm sóc, chị đã nhiều lần khuyên anh T nhưng anh vẫn không thay đổi làm cho mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng trầm trọng. Vợ chồng ly thân từ tháng 6/2024 đến nay. Trong thời gian ly thân anh T sống tại nhà trước đây vợ chồng sinh sống còn chị và hai con về nhà mẹ ruột sống, vợ chồng không có trao đổi hàn gắn tình cảm với nhau. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau nên chị xin được ly hôn với anh T.

Về con chung: Có 02 con chung cháu Nguyễn Ngọc Phương N, sinh ngày 31/05/2020 và cháu Nguyễn Hoàng Q, sinh ngày 10/03/2023 khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi hai con chung, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con số tiền 2.500.000 đồng/tháng/con, cho đến khi hai con chung đủ 18 tuổi.

Tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Minh T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký, đương sự nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Chị Lê Thị Hoàng O có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, anh Nguyễn Minh T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do, không có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị xét xử vắng mặt chị O, anh T.

Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Đề nghị:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị O.

Về con chung: Có 02 con chung cháu Nguyễn Ngọc Phương N, sinh ngày 31/05/2020 và cháu Nguyễn Hoàng Q, sinh ngày 10/03/2023 khi ly hôn giao hai con chung cho chị O trực tiếp nuôi dưỡng. Buộc anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con số tiền 2.000.000 đồng/con/tháng, hai con là 4.000.000 đồng cho đến khi hai con chung đủ 18 tuổi.

Tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết đề nghị không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện và yêu cầu của chị Lê Thị Hoàng O, Hội đồng xét xử xác định vụ án có quan hệ tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn chị Lê Thị Hoàng O có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Minh T đã được triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vắng mặt không có lý do, không có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị O, anh T.

[2]. Về nội dung:

2.1. Về hôn nhân:

Hôn nhân của chị Lê Thị Hoàng O và anh Nguyễn Minh T là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện M, tỉnh Bến Tre, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận.

Chị O yêu cầu được ly hôn với anh T. Chị cho rằng trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T có chơi cờ bạc, không phụ giúp chị chăm sóc các con, các con còn nhỏ nhưng chỉ do một mình chị chăm sóc, chị đã nhiều lần khuyên anh T nhưng anh vẫn không thay đổi làm cho mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng trầm trọng. Vợ chồng ly thân từ tháng 6/2024 đến nay. Trong thời gian ly thân vợ chồng không có trao đổi hàn gắn tình cảm với nhau. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau nên chị xin được ly hôn với anh T.

Khi thực hiện xác minh với chính quyền địa phương tại nơi anh T sống thì địa phương không biết được mâu thuẫn của vợ chồng anh T, chị O.

Thấy rằng mục đích hôn nhân là để xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; trong quá trình sống chung vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị O và anh T là có thật, vợ chồng thường xuyên cãi vả nhau, anh T có chơi cờ bạc và không phụ giúp chị O chăm sóc các con, chị O đã khuyên anh nhiều lần nhưng anh không thay đổi làm cho mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Anh, chị đã ly thân từ tháng 6/2024 đến nay, vợ chồng không có trao đổi, hàn gắn tính cảm với nhau. Tòa án đã triệu tập anh T nhiều lần đến Tòa để hòa giải với chị O nhưng anh T không đến và cũng không có ý kiến trình bày, điều đó chứng minh anh T cũng không có thiện chí đoàn tụ. Xét mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân đã không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị O đối với anh T là đúng theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

2.2. Về con chung: Có 02 con chung cháu Nguyễn Ngọc Phương N, sinh ngày 31/05/2020 và cháu Nguyễn Hoàng Q, sinh ngày 10/03/2023 khi ly hôn chị O yêu cầu

được nuôi hai con chung và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con số tiền 2.500.000 đồng/tháng/con, cho đến khi hai con chung đủ 18 tuổi.

Thấy rằng, hai con chung hiện nay đều còn rất nhỏ, rất cần sự chăm sóc gần gũi của mẹ đồng thời từ khi sinh ra và khi anh, chị ly thân thì hai con chung sống với chị O có môi trường sống ổn định nếu thay đổi môi trường sống sẽ ảnh hưởng đến tâm lý các con. Anh T cũng không có ý kiến đối với con chung. Do đó, để đảm bảo môi trường sống ổn định và sự phát triển bình thường của con khi ly hôn giao hai con chung cho chị O trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Chị O yêu cầu được nuôi hai con chung và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con số tiền 2.500.000 đồng/tháng/con, cho đến khi hai con chung đủ 18 tuổi.

Theo quy định tại khoản 2, Điều 82 Luật Hôn nhân gia đình thì "2. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con". Như vậy, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị O là có căn cứ chấp nhận.

Xét số tiền cấp dưỡng nuôi con chị O yêu cầu là 2.500.000 đồng/tháng/con, hai con là 5.000.000 đồng một tháng:

Chị O cho rằng nghề nghiệp hiện nay của anh T là làm nghề giết mỗ heo, thu nhập hàng tháng khoảng 40.000.000 đồng nhưng chị không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh cho lời trình bày này. Ngoài ra,chị cũng không cung cấp thêm được tài liệu, chứng cứ gì khác chứng minh điều kiện cấp dưỡng của anh T cũng như chi phí sinh hoạt hàng tháng của con chung. Anh T không có ý kiến hay cung cấp chứng cứ để chứng minh nguồn thu nhập hàng tháng của mình.

Căn cứ khoản 2, Điều 7 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình thì "2. Tiền cấp dưỡng cho con là toàn bộ chi phí cho việc nuôi dưỡng, học tập của con và do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên không thoả thuận được thì Tòa án quyết định mức cấp dưỡng căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng. Mức cấp dưỡng do Tòa án quyết định nhưng không thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng đối với mỗi người con."

Mức lương tối thiểu vùng tại huyện M là 3.860.000 đồng.

Thấy rằng, hiện nay hai con chung còn nhỏ việc chăm sóc, nuôi dưỡng các con phải cần một khoản chi phí hợp lí và ổn định nhưng chị O và anh T không thỏa thuận được mức cấp nuôi con. Do đó, Tòa án căn cứ theo qui định trên ấn định mức cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 đồng/tháng/con, hai con là 4.000.000 đồng/tháng.

Buộc anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con số tiền 2.000.000 đồng/ tháng/con, hai con là 4.000.000 đồng. Bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 02/2025 đến khi hai con chung đủ 18 tuổi.

Đối với số tiền cấp dưỡng chị O yêu cầu chênh lệch là 2.500.000 đồng – 2.000.000 đồng = 500.000 đồng/con/tháng không có căn cứ chấp nhận.

2.3 Về tài sản chung của vợ chồng: Chị O trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết và anh T không có lời trình bày nên không xem xét, giải quyết.

2.4. Về nợ chung của vợ chồng: Chị O trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết và anh T không có lời trình bày nên không xem xét, giải quyết.

[3]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Án phí dân sự không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng, chị O phải chịu theo quy định.

Án phí dân sự không có giá ngạch đối với yêu cầu cấp dưỡng là 300.000 đồng, anh T phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVWQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Hoàng O.

Cụ thể tuyên:

1. Chị Lê Thị Hoàng O được ly hôn với anh Nguyễn Minh T.

2. Về con chung: Có 02 con chung cháu Nguyễn Ngọc Phương N, sinh ngày 31/05/2020 và cháu Nguyễn Hoàng Q, sinh ngày 10/03/2023 khi ly hôn giao hai con chung cho chị Lê Thị Hoàng O trực tiếp nuôi dưỡng.

Buộc anh Nguyễn Minh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con số tiền 2.000.000 đồng/01 con/ 01 tháng, hai con là 4.000.000 đồng/01 tháng.

Bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 02/2025 cho đến khi hai con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên; người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; trên cở sở lợi ích của con, cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con khi có căn cứ theo quy định tại Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Chị Lê Thị Hoàng O trình bày không có, anh Nguyễn Minh T không có lời trình bày nên không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Chị Lê Thị Hoàng O trình bày không có, anh Nguyễn Minh T không có lời trình bày nên không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí dân sự không có giá ngạch:

Đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị Lê Thị Hoàng O phải chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu

tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003794 ngày 07 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre là đủ.

Đối với yêu cầu cấp dưỡng là 300.000 đồng anh Nguyễn Minh T phải chịu.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án hoặc nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Cơ quan ĐKKH;
- Lưu (Hs,Vp).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Ngọc Yến